

Số: 45/2020/QĐST-HNGĐ

Hải An, ngày 28 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Thái Quốc C; nơi cư trú: Số 16, ngõ 343 ĐC, tổ 35, cụm 5, phường LG, quận BD, HN;

Chị Phạm Thị Thu NG; nơi cư trú: Số 38B, tổ 7, khu C2, phường CB, quận HA, Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu NG và anh Thái Quốc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội vào ngày 11/9/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù cả hai đã cố gắng hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2016 nay, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt của cuộc sống. Nay anh C và chị NG đều nhận thấy không còn tình cảm, không thể

tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên cả hai cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa anh C và chị NG đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc và không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung Thái DQ, sinh ngày 10/5/2015. Anh chị thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao con chung cho chị NG trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị NG và anh C là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt và học tập hiện tại của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NG và anh C thống nhất thỏa thuận: Kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, anh C có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Thái Quốc C và chị Phạm Thị Thu NG không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Thái Quốc C và chị Phạm Thị Thu NG tự nguyện chịu mỗi người 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thái Quốc C và chị Phạm Thị Thu NG cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Thái DQ, sinh ngày 10/5/2015 cho chị NG trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh C có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Thái Quốc C và chị Phạm Thị Thu NG không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Thái Quốc C và chị Phạm Thị Thu NG mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Thái Quốc C và chị Phạm Thị Thu NG đã nộp đủ 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An theo Biên lai thu số 0005529 và Biên lai thu tiền số 0005530 cùng ngày 10 tháng 02 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND phường Liễn Giai, quận Ba Đình, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng

